

**BIỂU PHÂN BỐ KINH PHÍ CHO CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CÁC  
NHIỆM VỤ PHÁT SINH NĂM 2023 (BỔ SUNG LẦN 5)**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 10 năm 2023 của HĐND tỉnh)*

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Nguồn kinh phí/Nhiệm vụ chi/Đơn vị thực hiện	Số tiền
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.083.593.000</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn cải cách tiền lương năm 2023</b>	<b>1.051.510.000</b>
	<b>Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP và Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ</b>	<b>1.051.510.000</b>
-	Trường Cao đẳng Bắc Kạn	140.573.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn	97.358.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông	534.676.000
-	Ủy ban nhân dân huyện Na Rì	130.030.000
-	Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Kạn	148.873.000
<b>II</b>	<b>Nguồn sự nghiệp Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2022 (đã chuyển nguồn sang năm 2023)</b>	<b>2.032.083.000</b>
-	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bắc Kạn	2.032.083.000
+	<i>Hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng đối với diện tích thực hiện năm 2022 (đợt 2): 1.512,97 ha (12 tháng).</i>	<i>453.891.000</i>
+	<i>Hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng đối với diện tích thực hiện năm 2023: 4.231,64 ha (12 tháng).</i>	<i>1.269.492.000</i>
+	<i>Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng phòng hộ cho 9 tháng đầu năm 2022: 2.221,31 ha (trong đó diện tích tại xã khu vực I là 653,25 ha, diện tích tại xã khu vực III là 1.568,06 ha)</i>	<i>308.700.000</i>